TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

Ông Nguyễn Hữu Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp V1, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Dương Chí H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện cư trú tại: ấp V1, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Dương Chí H thành hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 11/10/2011. Vợ chồng sống chung được khoảng 06 năm tại ấp V1, xã V lúc đầu có hạnh phúc nhưng sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H không lo làm ăn, một phần do sức khỏe chị kém nên đời sống vợ chồng không đảm bảo, không có hạnh phúc và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ gần 01 năm nay. Về con chung, có 01 con chung tên Dương Thị Bảo T, sinh ngày 14/9/2011, hiện đang sống với chị. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Chí H trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị P về thời gian thành hôn, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, do chị P bị bệnh nên vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay. Anh xác định còn tình cảm yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị P, anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho con. Nếu yêu cầu ly hôn của chị P được Tòa án chấp nhận, về con chung anh không có yêu cầu nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Chí H vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh Dương Chí H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị P và anh Dương Chí H thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 11/10/2011 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quá trình chung sống chị P, anh H xác định có mâu thuẫn xảy ra, tình trạng sức khỏe của chị P không đảm bảo nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 01 năm nay. Mặc dù, giữa chị P và anh H vẫn sống chung một nhà nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhằm giúp đỡ chị P, anh H đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Dương Chí H xác định có 01 con chung tên Dương Thị Bảo T, sinh ngày 14/9/2011 hiện đang sống chung với chị P và anh H. Tại phiên tòa chị P trình bày, từ khi chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống chung nhưng không ăn uống chung nên anh H thỏa thuận hàng tháng đưa cho chị 1.000.000đ để lo cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu T là bé gái nên giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho việc phát triển sau này của bé. Mặc

khác, anh H cũng không tranh chấp về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao bé Dương Thị Bảo T cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nhưng chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp nuôi con, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn anh Dương Chí H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn nên chị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị P được ly hôn với bị đơn anh Dương Chí H.

3. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Bảo T, sinh ngày 14/9/2011 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Chí H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014378 ngày 23/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị P đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nga